

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ**

Số: 07 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Mỹ, ngày 24 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hộ kinh doanh Đặng Phú Tỷ tại Công văn số 02/CV-GPMT ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Công văn số 03/CV-GPMT ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở “Lò giết mổ gia súc tập trung” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện tại Tờ trình số 29/TTr-PNNMT ngày 18 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ kinh doanh Đặng Phú Tỷ, địa chỉ tại ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Lò giết mổ gia súc tập trung”, tại ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Lò giết mổ gia súc tập trung.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 64H8005778 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Long Mỹ cấp ngày 21 tháng 11 năm 2016.

1.4. Mã số thuế: 6300310317.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giết mổ gia súc tập trung.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư: 1.000.000.000 đồng.

- Phạm vi: Ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
- Quy mô: Diện tích thực hiện là 1.800 m². Các hạng mục công trình dự án như: Hạng mục công trình phụ trợ 1.518m², hạng mục công trình chính 282,0m².
- Công suất: Công suất tối đa 50 con.ngày/đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được xả (bụi) khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Đăng Phú Tỷ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Phòng NN và MT huyện;
- UBND thị trấn Vĩnh Viễn;
- Lưu VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Việt

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 3 năm
2025 của UBND huyện Long Mỹ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng là 0,5 m³/ngày.đêm
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động giết mổ gia súc phát sinh với lưu lượng là 1 m³/ngày.đêm
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực lưu giữ gia súc phát sinh với lưu lượng là 0,6 m³/ngày.đêm
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh các chuồng trại và khu vực giết mổ gia súc phát sinh với lưu lượng là 2 m³/ngày.đêm

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Mười Thước ở ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Điểm cuối đường thoát nước thải trên kênh Mười Thước ở ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
- Tọa độ vị trí nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X= 1069232; Y= 0548303.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4,1 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Theo ngày hoạt động, 24 giờ/ngày hoạt động.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; K _q = 0,9; K _f = 1,2)
1	pH	—	5,5 – 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	54
3	COD	mg/l	162

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$)
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
5	Tổng nitơ	mg/l	43,2
6	Coliform	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Tuyến 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh phát sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn được dẫn theo đường ống PVC D60 về công trình xử lý nước thải.

- Tuyến 2: Nước thải sản xuất phát sinh được thu gom theo đường ống PVC D200 dẫn về công trình xử lý nước thải.

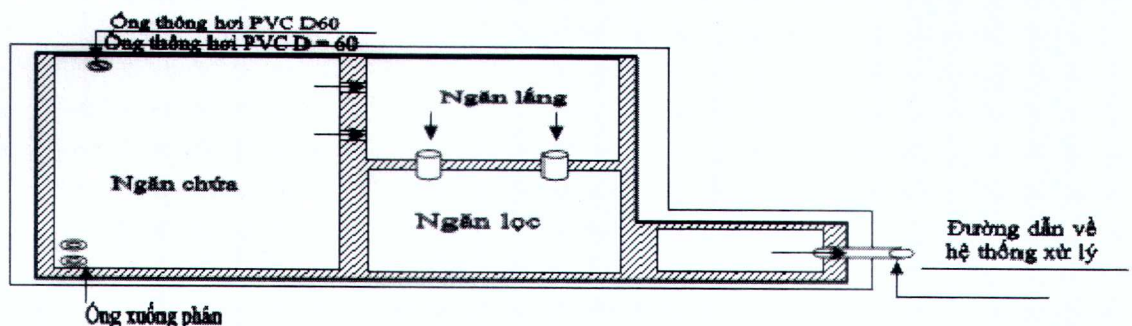
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn

- Tóm tắt quy trình, công nghệ: Nước thải được đưa vào ngăn lắng lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng, nồng độ của chất bẩn có trong nước thải. Nhờ vách ngăn hướng dòng tại các ngăn tiếp theo nên nước thải chuyển động theo chiều dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn này hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ, chuyển hóa đồng thời cho phép tách riêng 02 pha. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải nhờ vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt hạt vật liệu lọc. Hiệu suất xử lý chất hữu cơ khoảng từ 40 – 60% và được đưa vào công trình xử lý nước thải để tiếp tục xử lý với nước thải sản xuất trước khi được dẫn thoát ra nguồn tiếp nhận kênh Mươi Thước.

- Công suất: Thể tích 5,1 m³ với kích thước: 2,3m × 1,5m × 1,48m đảm bảo xử lý hết lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Cơ sở.

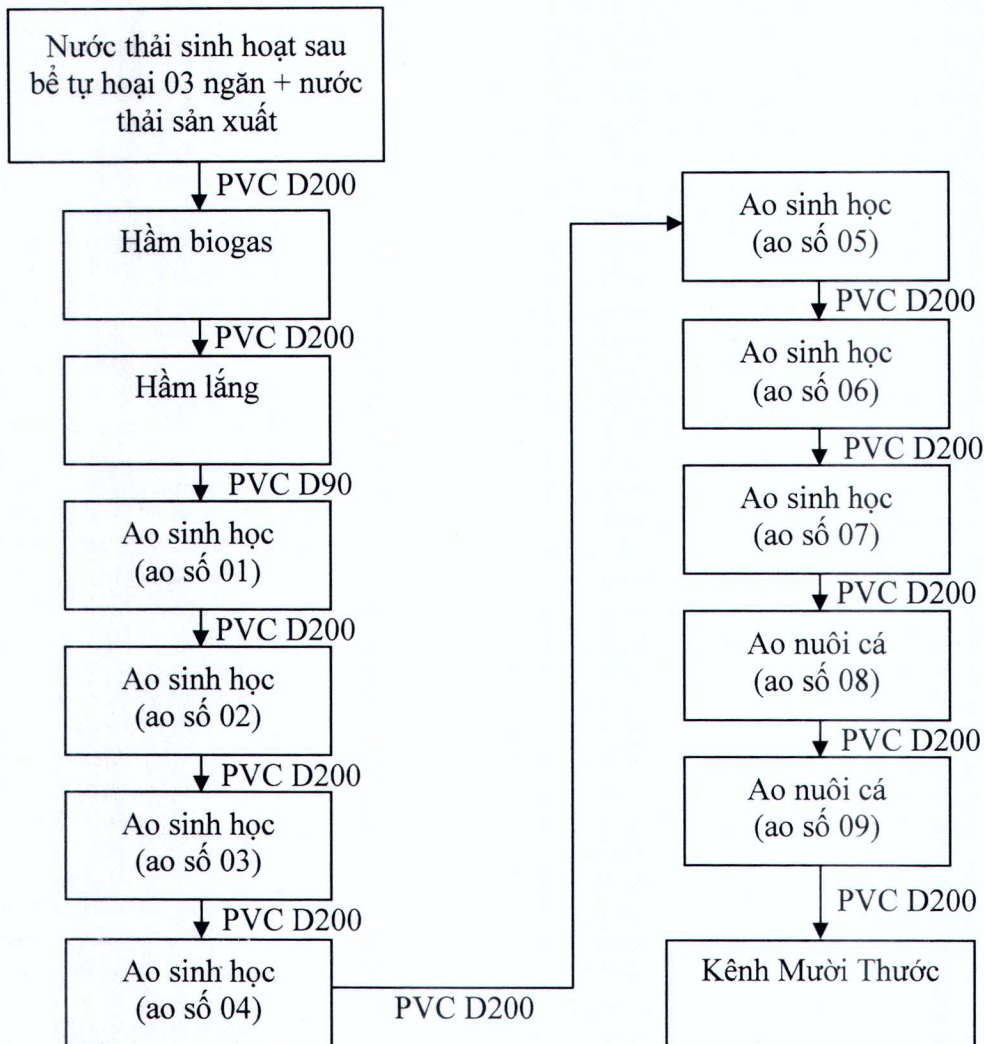
Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại như sau:



Hình 1. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại 03 ngăn

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải

- Công nghệ xử lý: Hàm biogas kết hợp xử lý sinh học của các ao lắng.
- Tóm tắt quy trình, công nghệ:



Hình 2. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải

+ Thuyết minh quy trình xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn cùng với đó nước thải sản xuất đều được thu gom tự chảy về hàm biogas hiện hữu của cơ sở bằng ống PVC D200. Trong hàm biogas, có diễn ra quá trình phân hủy kỵ khí các hợp chất hữu cơ trong nước thải nhờ vi sinh vật với điều kiện hoàn toàn không oxy trong hàm biogas dưới tác động của các loại vi sinh vật kỵ khí, giảm hàm lượng chất ô nhiễm có trong nước thải đồng thời sinh ra khí CH_4 , khí này đều được thu lại để tận dụng làm nhiên liệu đốt cho chảo đun sôi nước trong công đoạn giết mổ. Nước thải sau xử lý bằng hàm biogas đều được tiếp tục chảy theo đường ống PVC D200 dẫn vào hàm lắng để lắng các chất rắn lơ lửng trong nước thải, phần nước trong từ hàm lắng được tự chảy theo đường ống PVC D90 thoát vào hệ

thống ao sinh học (trên mặt ao có trồng cây lục bình; số lượng 7 ao) + ao nuôi cá (chủ cơ sở nuôi cá tra; số lượng 2 ao) trước khi thải ra kênh Mười Thước.

- Công suất hầm biogas: 230,9 m³.
- Hóa chất, thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý cụ thể như sau:
- + Hóa chất: Không.
- + Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật (dài × rộng × cao)	Thể tích (m ³)	Số lượng	Vật liệu
1	Hầm biogas	Đường kính × chiều cao = 7 × 6 m	230,9	01	Bê tông
2	Hầm lắng	Đường kính × chiều cao = 4 × 3 m	37,7	01	Bê tông
3	Ao sinh học (ao số 01)	18 × 5,2 × 1,6 m	149,76	01	Nền đất tự nhiên
4	Ao sinh học (ao số 02)	15 × 12 × 1,6 m	288	01	Nền đất tự nhiên
5	Ao sinh học (ao số 03)	22,5 × 12 × 1,6 m	432	01	Nền đất tự nhiên
6	Ao sinh học (ao số 04)	50 × 4,5 × 1,4 m	315	01	Nền đất tự nhiên
7	Ao sinh học (ao số 05)	54 × 4,5 × 1,4 m	340,2	01	Nền đất tự nhiên
8	Ao sinh học (ao số 06)	29 × 4,5 × 1,4 m	182,7	01	Nền đất tự nhiên
9	Ao sinh học (ao số 07)	50 × 4,5 × 1,4 m	315	01	Nền đất tự nhiên
10	Ao nuôi cá (ao số 08)	33 × 5 × 1,2 m	198	01	Nền đất tự nhiên
11	Ao nuôi cá (ao số 09)	70 × 5,5 × 1,2 m	462	01	Nền đất tự nhiên

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Long Mỹ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Cơ sở không phát sinh khí thải cần xử lý, do đó không có công trình xử lý khí thải tại Cơ sở. Cơ sở không sử dụng máy phát điện trong trường hợp bị ngắt điện. Do đó, Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải (theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): Không có

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không có

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường nếu có phát sinh.

3.2. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.3. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Long Mỹ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực chuồng nuôi lưu giữ gia súc.
- Nguồn số 02: Khu vực giết mổ gia súc.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi giờ 3^0):

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 1069339; Y= 0548282
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1069339; Y= 0548300

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung của Cơ sở không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT. Do các nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung là nằm tại khu vực trong hàng rào của Cơ sở nên giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung áp dụng cho khu vực đặc biệt. Cụ thể như sau:

- Giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực thông thường	70	55

- Giới hạn đối với rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc cho phép (dB)	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Đối với tiếng kêu, hét của gia súc:

+ Bố trí khu vực nuôi nhốt gia súc đảm bảo rộng, thoáng, tránh tình trạng gia súc nhốt tạm chen chúc nhau trong không gian hẹp sẽ dễ cắn nhau, gây tiếng ồn.

+ Tắm mát (vào mùa hè) cho gia súc và vệ sinh chuồng nuôi nhốt sạch sẽ tạo điều kiện thoải mái về không gian cho vật nuôi nhốt tạm.

+ Cho vật nuôi uống đủ nước để tránh kêu hét do tâm lý khó chịu, cáu gắt vì đói và khát.

+ Áp dụng phương pháp chích điện gây mê trước khi đưa vào giết mổ để hạn chế tiếng kêu, hét của gia súc.

+ Trồng thêm cây xanh trong khuôn viên của cơ sở.

- Đối với các phương tiện vận chuyển:

+ Yêu cầu tắt máy các phương tiện vận chuyển khi vào khuôn viên của cơ sở

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển đã được kiểm định, đăng kiểm theo đúng quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.



Phụ lục số 04

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Long Mỹ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, bao tay dính hóa chất	Rắn	18 02 01	1
2	Thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm chai lọ thú y)	Rắn	18 01 03	2
3	Bóng đèn huỳnh quang thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	16 01 16	1
4	Chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại phát sinh quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	Rắn	14 02 02	1
Tổng cộng				5

1.2. Chất thải rắn công nghiệp phát sinh

STT	Chất thải rắn	Định mức (kg/con) ^(*)	Quy mô cơ sở (con/ngày.đêm)	Khối lượng CTR phát sinh (kg/ngày.đêm)
1	Phân và thức ăn thừa	1,33	50	66,5
2	Chất thải trong đường tiêu hóa	2,93	50	146,5
3	Lông	0,51	50	25,5
Tổng cộng				238,5

Ngoài ra, lượng bùn phát sinh trong quá trình phân hủy của hầm biogas, hầm lắng ước tính khoảng 0,05 tấn/tháng.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 4 – 5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng chứa có nắp đậy riêng biệt (theo mã nguồn CTNH) và dán nhãn cảnh báo CTNH bảo đảm theo yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 4 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Đáp ứng yêu cầu tại yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thiết bị lưu, chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đảm bảo đúng theo hướng dẫn Thông tư: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị lưu, chứa chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo đúng Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường 2020.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Ứng phó sự cố dịch bệnh: Khu chuồng nuôi lưu giữ gia súc tạm thời cần phải đảm bảo sạch sẽ, cần quét dọn hàng ngày, thu gom sạch sẽ chất thải phát sinh đem xử lý, luôn giữ cho chuồng trại nuôi luôn khô ráo và thoáng mát. Định kỳ, thường xuyên vệ sinh khử trùng tiêu độc chuồng nuôi, khu vực giết mổ gia súc bằng các loại thuốc khử trùng tiêu độc.

+ Định kỳ phun thuốc sát trùng (cloramin, Benkocid, Iodine,...) để khử trùng khu vực chuồng nuôi, khu giết mổ dụng cụ giết mổ, các phương tiện vận chuyển gia súc,... với tần suất 2 lần/tuần.



+ Bên cạnh đó chủ cơ sở tiến hành phun chế phẩm sinh học khử mùi EMZEO với tần suất 1 lần/ngày để khử mùi hôi và hạn chế côn trùng phát sinh trong khu vực chuồng nuôi lưu giữ gia súc tạm thời, khu giết mổ gia súc, khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, hầm biogas,...

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh ngay tại cơ sở, nếu có biểu hiện nghi mắc bệnh cơ sở sẽ báo ngay cho cơ quan thú y gần nhất để kiểm tra xử lý, không giết mổ gia súc bị bệnh.

+ Nhập gia súc từ các cơ sở an toàn về dịch bệnh, rõ nguồn gốc, có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y.

+ Phun hóa chất sát trùng trước khi nhập gia súc vào lò giết mổ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và nổ: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy./.





Phụ lục số 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Long Mỹ)

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường..

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về y tế, an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan nhà nước kiểm tra.

7. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kinh doanh, quy hoạch, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan; có trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai theo quy định.

8. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.